

## DI TÍCH - DANH THẮNG

# TRÊN CON ĐƯỜNG DU LỊCH VĂN HÓA

## “Các làng gốm cổ truyền vùng châu thổ sông Hồng”

NGUYỄN VIỆT CƯỜNG\*

### 1. Mấy nét về đặc điểm địa lý, lịch sử, xã hội vùng châu thổ sông Hồng

#### 1.1. Đặc điểm tự nhiên

Đồng bằng Bắc bộ là sản phẩm bồi tụ cơ bản của sông Hồng, một vùng đất còn tương đối trẻ, nhiều sông ngòi, không cao lắm so với mặt nước biển. Theo dòng chảy của những con sông thì ở hai bên bờ của chúng luôn luôn có những sóng đất, mà từ đỉnh sóng đất nọ đến đỉnh sóng đất kia bao trùm cả một hoặc nhiều huyện. Chính điều kiện tự nhiên này đã quyết định những đặc điểm văn hóa của người Việt là nông nghiệp lúa nước theo mùa màng và theo vùng cao thấp khác nhau. Hoàn cảnh đó quyết định cách ứng xử văn hóa của người Việt là mang tính trữ tình, uyển chuyển, mềm mại, nhịp nhàng và lặp đi lặp lại. Đặc tính này đã chi phối cả quá trình hình thành và phát triển mỹ thuật, âm nhạc dân gian, các điệu múa, văn học ... Mặt khác, điều kiện tự nhiên cũng phân chia ruộng đất thành ra đồng mùa và đồng chiêm hoặc xen kẽ nhau chạy ra tới tận biển, nên mỗi ứng xử của con người với thiên nhiên thông qua thần linh cũng khác

nhau, đồng mùa thì nặng tính cầu mưa chống hạn, với đồng chiêm thì lại mang tính chất chống lụt nhiều hơn.

Suy cho cùng, đất đai và dòng sông đã kết tụ lại, góp phần tạo thành dòng văn hóa của người Việt, khiến cho chúng ta hôm nay được tiếp nhận một hệ thống những huyền thoại gắn với mối quan hệ này như Âu Cơ thuộc nông nghiệp và nghề rừng đã kết hợp với nghề chài lưới mà đại biểu là Lạc Long Quân. Bà Tiên Dung gắn với nông nghiệp, bà Tây Sa gắn với rừng kết hợp với Chử Đồng Tử gắn với nước...

#### 1.2. Về con người

Có thể thấy rõ ràng, đồng bằng Bắc bộ chủ yếu là nơi cư trú của người Kinh có gốc từ hệ Việt - Mường. Theo cổ giáo sư Từ Chi thì, hệ Việt - Mường là sự tổng hòa của nhiều tộc người, trong đó có 4 hệ cơ bản: Môn - Khơ Me, Tạng - Miến, Tày - Thái và Malayo. Việt và Mường như bắt đầu tách nhau ra ở khu vực Việt Trì. Người Việt theo các triền sông xuống khai phá vùng châu thổ, buổi đầu họ bám lấy những dòng sông, đặc biệt là những con sông nước trong hoặc sông nhỏ ít hung dữ (như sông Đáy, sông Cầu). Trong quá trình phát triển ấy, ngoài nghề nông thuần túy thì họ

\* CỤC DI SẢN VĂN HÓA

cũng phát triển những nghề thủ công và thương mại. Chúng ta có thể thấy được các làng nghề thủ công và thương mại cơ bản nằm ở ven sông. Từ chỗ sản xuất những vật phẩm phục vụ cho cuộc sống hàng ngày, rồi dần dần được sản xuất hàng loạt mang tính chất hàng hóa để hình thành hệ thống các làng nghề thủ công. Một trong những làng nghề thủ công đó là nghề gốm mà người xưa để lại những địa danh nổi tiếng là làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), làng gốm Phù Lãng (Bắc Ninh), làng gốm Thổ Hà (Bắc Giang), làng gốm Chu Đậu (Hải Dương), làng gốm Đông Triều (Quảng Ninh)...

Một đặc điểm nổi bật đối với người Việt là ở các làng thuần nông thường không hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng và trao truyền lại các di sản văn hóa vật thể và cả phi vật thể (đa dạng và phong phú) vì sự phát triển của văn hóa nhiều khi còn lệ thuộc vào điều kiện kinh tế. Vì thế, trong các làng nông nghiệp có nghề phụ, tuy vẫn nằm trong phạm trù làng nông nghiệp nhưng thường là những điểm sáng văn hóa, để lại cho chúng ta những kiến trúc công cộng phản ánh rõ nét về bản sắc văn hóa dân tộc. Đặc tính này cũng rất đúng đối với các làng gốm.

## **2. Tổng quan về di tích và danh thắng vùng châu thổ sông Hồng**

Như trên đã trình bày, người Việt chủ yếu là nông dân, mang đậm tư duy nông nghiệp, nên công trình văn hóa của họ chủ yếu là ở nông thôn. Người Việt trong ý thức lấy "hòa" giữa con người với vũ trụ thiên nhiên làm trọng, vì thế những kiến trúc cổ truyền mang yếu tố văn hóa đã đậm yếu tố dân gian. Và, tuy tất cả những di sản văn hóa vật thể còn để lại dường như ít nhiều đều là sản phẩm của tôn giáo, tín ngưỡng, song chúng vẫn chứa đựng những nội dung văn hóa dân gian, phản ánh nhiều mặt của lịch sử và văn hóa, cụ thể như:

- Sự phân bố của các di tích cho thấy, việc mở rộng dân địa bàn của người Việt trong lịch sử, đồng nhất với việc thống nhất cộng đồng (văn hóa của tộc người chủ thể đi đến đâu biểu hiện sự thống nhất cộng đồng quốc gia tới đó).

Nguyễn Việt Cường: *Di tích - danh thắng...*

- Niên đại tập trung của di sản văn hóa vật thể qua các thời kỳ đã phần nào cho thấy, việc tổ chức và phân hóa xã hội Việt khác với nhiều cư dân xung quanh, điều đó khẳng định về một nền văn hóa phi Hoa, phi Ấn ở trên mảnh đất này. Đồng thời qua di tích cũng phần nào cho biết, người Việt chưa đẩy thần linh lên cao, cộng thêm những điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh kinh tế riêng nên kiến trúc, truyền thống của người Việt không vươn theo chiều cao. Trong kho tàng di sản văn hóa mà người xưa để lại, chúng ta thấy nổi bật nên loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật, cụ thể như sau:

*Chùa* là nơi thờ Phật, Bồ tát và các thần linh liên quan thuộc dòng Đại thừa. Đây là trung tâm văn hóa của làng xã cổ truyền; mảnh đất thánh thiện để con người tự đi tìm sự cân bằng cho tâm hồn; một số người khác (các nhà sư) thì đến đó để tu hành theo giáo lý nhà Phật rồi đem ra giáo hóa chúng sinh.

*Đền* là dạng kiến trúc có từ rất sớm (từ thời cổ đại, trước thời kỳ phong kiến), nhưng đối với người Việt, các kiến trúc này luôn được người dân tu bổ, vì thế không một ngôi đền nào còn giữ được nguyên vẹn các dấu tích từ thời khởi dựng. Thực ra bất kể loại kiến trúc nào gắn với việc thờ thần linh cũng đều mang tính chất một ngôi đền, nhưng có một số loại đã mang tên riêng thì không nằm trong hệ thống đền phổ biến thuộc quan niệm Việt, mà đền chủ yếu để thờ anh hùng văn hóa, anh hùng dân tộc và các thần linh liên quan khác.

*Miếu* là một dạng đền nhỏ để thờ các thần linh địa phương, song cũng có những dạng lớn như Văn miếu Quốc Tử Giám thờ Khổng Tử cùng học trò và những nhà Nho liên quan.

*Điện mẫu* là hệ thống đền liên quan chặt chẽ với tín ngưỡng dân gian của người Việt, phân bố rộng khắp, mà nơi trung tâm thường được gọi là Phủ.

*Đình* có nhiều loại khác nhau như dịch đình, quán đình, phương đình, đình tạ... Trong hệ thống này nổi bật lên là đình làng - một kiến trúc dân gian thường to nhất làng. Đình làng xuất hiện từ thế kỷ XV, định hình vào thế kỷ XVI, phát triển vào nửa cuối thế kỷ XVII và suy

tàn dần vào thế kỷ XVIII, chuyển đổi chức năng vào thế kỷ XIX, nhất là với các đình làng ở vùng Nam bộ. Đình làng thờ Thành hoàng làng, là vị thần linh bảo vệ làng xã, được dân làng gán cho chức năng bảo hộ mọi mặt cho làng xã. Trong bước đi đó thì những đình làng mang giá trị nghệ thuật cao nhất thường có niên đại vào cuối thế kỷ XVI, nhất là cuối thế kỷ XVII với yếu tố dân gian rất đậm đặc. Theo bước đi của lịch sử, khởi đầu đình là nơi công bố chính lệnh của triều đình, một trụ sở của cơ quan làng xã, ngoài ra, đình làng còn là ngôi nhà công cộng - nơi sinh hoạt của dân đình, nơi giải quyết những công việc thuộc về luật và lệ liên quan tới làng xã. Từ khi Thành hoàng làng được thâm nghiêm hóa thì đình làng cũng chuyển dần sang mang tính chất của ngôi đền. Hiện tượng này bắt đầu từ thế kỷ XVII, phát triển ở thế kỷ XVIII về sau.

Ngoài những loại hình di tích cơ bản trên, kiến trúc của người Việt còn nhiều loại hình khác như thành quách, lăng mộ, nhà thờ họ, nhà ở dân gian truyền thống, cầu cống và các di chỉ khảo cổ học...

Trên con đường du lịch văn hóa "các làng gốm cổ truyền vùng châu thổ sông Hồng", chúng tôi xin chỉ dừng lại ở những nét tiêu biểu liên quan tới một số di tích - danh thắng như là một "bệ đỡ tinh thần" cho các làng gốm cổ truyền vùng châu thổ sông Hồng kể trên.

### **3. Những di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu**

Với nét đặc trưng chung như vậy thì có thể xếp các làng gốm Thổ Hà (tỉnh Bắc Giang), Bát Tràng (thành phố Hà Nội), Phù Lãng (tỉnh Bắc Ninh), Chu Đậu (tỉnh Hải Dương) và Đông Triều (tỉnh Quảng Ninh)... vào các làng thủ công kiêm thương mại và chúng đã góp phần tạo nên không gian văn hóa liên quan, với những kiến trúc nhiều giá trị đặc biệt nằm xung quanh các làng gốm đó.

*Nổi lên ở Hà Nội có:*

- *Khu di tích Cổ Loa:* Thành Cổ Loa gắn liền với những truyền thuyết kỳ thú của dân tộc Việt, về việc An Dương Vương định đô, xây thành; Về chiếc nỏ thần Kim Quy bắn một phát hạ hàng trăm tên giặc; Về mối tình cảm động và bi thương của My Châu - Trọng Thủy... Từ

bao đời nay, ngôi thành cổ này cùng với những nhân vật lịch sử được huyền thoại hoá và ăn sâu vào trong tiềm thức con dân Việt.

Đây là toà thành, đồng thời được coi như một thủ đô còn để lại dấu tích văn hóa vật thể xưa vào bậc nhất Việt Nam, được Thục An Dương Vương xây từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên để làm kinh đô cho nước Âu Lạc (tên nước Việt thời đó), nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội.

Thành được dựng kiểu vòng ốc (nên gọi là Loa thành), tương truyền có tới 9 vòng, dưới thành ngoài là hào sâu ngập nước, thuyền bè đi lại được. Ngày nay ở Cổ Loa còn lại 3 vòng thành đất: Thành Ngoài (8km), Thành Giữa (chu vi 6,5km) và Thành Trong (hình chữ nhật, chu vi 1,6km). Thân thành ngày nay còn có chiều cao trung bình từ 4 - 5m, có chỗ còn cao tới 12m, chân thành rộng tới 20 - 30m. Các cửa của 3 vòng thành cũng được bố trí rất khéo; không hề nằm cùng trên một trục thẳng mà lệch đi nhiều. Do đó, đường nối hai cửa thành ở cùng một hướng đều là một đường quanh co, lại có ụ phòng ngự ở hai bên nên gây rất nhiều trở ngại cho quân địch khi tiến đánh thành.

Qua các giai đoạn lịch sử, Cổ Loa còn có nhiều tên gọi khác: Loa thành (thành Ốc), thành Côn Lôn, thành Tư Long, Cửu thành, thành Việt Vương, thành Khả Lũ. Đến thế kỷ thứ X, thời kỳ Ngô Quyền làm vua, Cổ Loa lại trở thành kinh đô lần thứ hai.

Từ trung tâm thành phố Hà Nội, đi 18 km đến xã Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh, du khách sẽ tìm thấy vết tích còn lại của ba vòng thành xưa bằng đất và nơi các nhà khảo cổ tìm được hàng vạn mũi tên đồng, lưỡi cày, rìu sắt, xương thú vật...

Qua cổng làng là tới đình làng Cổ Loa. Theo truyền thuyết thì đó là nền cũ của điện ngự triều, nơi bá quan triều hội ngày xưa, nên trong đình còn tấm hoành phi "Ngự triều di quy". Cạnh đình là am Bà Chúa tức là miếu thờ công chúa My Châu, nằm nép dưới gốc cổ thụ. Miếu/am bé bỏng như cuộc đời ngắn ngủi của nàng công chúa đáng thương "trái tim lầm chỗ để lên đầu". Trong am có một tảng đá

hình người cụt đầu, tương truyền đó là tượng My Châu.

Qua am My Châu tới đền Thượng, tức đền An Dương Vương. Đền mới làm lại hồi đầu thế kỷ XX, có đôi rồng đá lớn, khá đẹp ở thành bậc cửa đền, là di vật của thế kỷ XVIII. Trong hậu cung có tượng An Dương Vương bằng đồng được đúc cùng thời gian làm lại đền. Trước đền có Giếng Ngọc được coi như nã thủy/minh đường.

Trong khu vực Thành Nội còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật: Khu đền Thượng thờ An Dương Vương, khu đình Ngự triều di quy, am thờ My Châu và chùa Bảo Sơn với hàng trăm pho tượng...

Các nhà khảo cổ học đã phát hiện và trưng bày ở đây rất nhiều hiện vật quý giá của người Việt cổ được khai quật trong lòng đất Cổ Loa: Trống đồng Cổ Loa, tiền đồng, rìu đồng, hàng nghìn mũi tên đồng, lưỡi cày, các vật dụng bằng gốm, đất nung...

Hàng năm, lễ hội Cổ Loa tưởng nhớ An Dương Vương được tổ chức vào ngày mồng 6 tháng Giêng, tám làng trong xã tổ chức rước

kiệu truyền thống tụ về sân đình Cổ Loa, dâng lễ thể hiện tấm lòng thành kính đối với vị vua có công lao to lớn trong việc dựng nước và giữ nước.

- Đình Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội: là một trong hai ngôi đình có niên đại đầu thế kỷ XVII còn lại của người Việt, mang tư cách là dấu "gạch nối" giữa nghệ thuật thời Mạc với nghệ thuật cuối thế kỷ XVII. Đình gồm 5 gian 2 chái (các đình khác thường là 3 gian 2 chái). Không gian phong quang, chạm trổ rất kỹ với nhiều hoạt cảnh dân gian kế tục từ thế kỷ XVI và mở đầu cho nghệ thuật thế kỷ XVII.

- Chùa Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội: Từ Hà Nội đi Bát Tràng xuống đê, vào xem làng gốm rồi có thể qua Đa Tốn để chiêm ngưỡng pho tượng Quan Âm nhiều tay sớm nhất đất Việt có niên đại vào cuối thế kỷ XVI - tượng Thiên thủ thiên nhãn có 42 tay lớn và 652 tay nhỏ.

- Đền, đình, chùa Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội: Từ Đa Tốn đi sang Kiêu Kỵ để gặp một cụm di tích đền,



Cổng làng Thổ Hà - Ảnh: Nông Quốc Thành

đình, chùa này. Đình thờ một nhân thần, hiện vật của đền mang niên đại thế kỷ XVII còn rất nhiều, đặc biệt còn cả những dụng cụ lấy nước thờ cổ truyền như gáo đồng và nhiều thứ khác. Nổi bật nhất trong chùa là pho tượng Quan Âm Thiên thủ có 7 mặt, gồm 5 mặt Phật và 2 mặt Bồ Tát ở hai bên. Đây là pho tượng có nhiều mặt thứ hai ở nước Việt, sau pho tượng chùa Bút Tháp khoảng 100 năm.

*Nổi lên ở Bắc Giang và Bắc Ninh có các di tích đáng quan tâm:*

Có thể coi Bắc Giang là địa điểm đầu của dòng văn hóa Quan họ ven sông Cầu - một con sông giao thương cổ truyền, tạo nên một dòng văn hóa nổi tiếng chạy suốt từ Đu Đuối tới tận sông Lục Đầu. Với những di tích nổi tiếng như *đình Lỗ Hạnh (xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang)* có niên đại vào nửa cuối thế kỷ XVI. Lùi xuống tới làng Vân nổi tiếng nghề rượu và làng gốm Thổ Hà (xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) có ngôi *đình và chùa Thổ Hà*, một trong những di tích kiến trúc nổi tiếng của đất Bắc. Đình khởi dựng từ thế kỷ XVI với những mảng chạm có giá trị nghệ thuật cao, đó là các vũ nữ thiên thần, các linh vật, tất cả để nói lên ước vọng truyền đời cầu mưa, cầu mùa sinh sôi. Có thể còn thấy trong chùa có hình tượng bà Banh (người phụ nữ khỏa thân ngồi xổm giang rộng chân tay đỡ mặt trời). Bên kia sông là *đền bà Chúa Kho (tỉnh Bắc Ninh)* - một nữ thần của cái, rồi tiếp tới là *đình, chùa Cổ Mễ (xã Vũ Ninh, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh)* cũng là những điển hình của nghệ thuật thế kỷ XVII. Tiếp đến là *đình, chùa Ngô Nội (xã Trung Nghĩa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh)* với những hoạt cảnh dân gian như hình tượng nam nữ giao phối. Ngoài ra, Chúng ta có thể kể đến một loạt di tích tiêu biểu khác sau đây:

*Đình Diềm, xã Hòa Long, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh:* Xuôi theo dòng sông Cầu, đối diện đình, chùa Thổ Hà phía bên kia sông là trung tâm của Quan họ với đền bà tổ Quan họ cùng ngôi đình làng Diềm mà hệ thống của vùng được chạy suốt từ xa nóc xuống nền mang tư cách thao diễn đến đỉnh cao của nghệ thuật tạo hình Việt. Bộ cửa võng

này với những đề tài chạm khắc như chia thành ba tầng thế giới, mà trên cùng là thế giới thần tiên, dưới ban thờ là nhân gian và sát đất có con quỷ bò lên túm lấy bộ phận sinh dục của chú ngựa. Suy cho cùng với các hình tượng đó như muốn nói mỗi khi có tế lễ thì cửa võng này đã tham gia vào việc thông tam giới.

*Đình Đình Bảng, xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh:* Là một ngôi đình bề thế, 7 gian, 2 chái, tương đối hoàn chỉnh, một điển hình của nghệ thuật đầu thế kỷ XVIII (1736), trên đình đã chấm dứt những hoạt cảnh dân gian, mà chủ yếu chỉ thể hiện những con vật linh: rồng, phượng, lân và những biểu tượng. Ở đây, qua chạm khắc đã biểu hiện nhận thức về vũ trụ quan rất rõ rệt.

*Đình Đồng Kỵ, xã Đồng Quang, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh:* Cũng như đình Đình Bảng, ngôi đình phản ánh về bước phát triển của kinh tế tư nhân (thương mại) tạo ra tiền đề vật chất để tạo dựng các công trình văn hóa của làng xã. Đây là một ngôi đình đẹp không kém gì đình Đình Bảng được bố cục ở bên chùa với một không gian thoáng đãng và một lễ hội pháo gấn với việc cầu mưa, cầu mùa nổi tiếng trong cả nước.

*Hệ thống chùa Dâu, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh:* Chùa Dâu là ngôi chùa được xếp vào loại cổ nhất nước Việt, đánh dấu về một trung tâm Phật giáo thuộc niên đại khoảng thế kỷ III sau Công nguyên. Hệ thống này gồm 5 ngôi chùa (chùa Mãn Xá - mẹ của Tứ pháp, chùa Dâu, chùa Đậu, chùa Tướng, chùa Giàn). Qua đó cho thấy, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tín ngưỡng dân gian bản địa và Phật giáo, để tới nay trung tâm của Phật điện vẫn chỉ thờ một vị thần nông nghiệp gắn với mưa được Phật hóa, toàn thân màu gụ thẫm. Có thể thấy, các hiện vật của chùa mang dấu ấn niên đại kéo dài suốt từ đầu thời Bắc thuộc đến thời gian gần đây, phản ánh sự dung hội giữa đạo Phật, Ấn Độ giáo, văn hóa bản địa và văn hóa Trung Hoa. Các kiến trúc này mang giá trị nghệ thuật dân gian đặc trưng của thế kỷ XVI đến XVII với lễ hội cầu mưa tương đối điển hình tồn tại trong giai đoạn này.

*Chùa Bút Tháp, thôn Bút Tháp, xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh:* Đây là một ngôi chùa có phần quy mô nhất của người Việt ở thế kỷ XVII, từ Tam quan tới các tháp đá trong cùng có chiều dài khoảng 175 mét, dựng nhiều kiến trúc thành phần nổi tiếng, như gác chuông 2 tầng, 8 mái, mang yếu tố dịch học kết hợp với tinh thần Phật giáo. Mặt bằng chính hình chữ Công với những chạm khắc chuẩn mực, trau chuốt, tinh tế, tỉ mỉ. Đặc biệt là tòa thượng điện với hệ thống lan can đá mà giá trị nghệ thuật đến nay chưa một ai đủ sức giải mã đầy đủ.

Tượng trong chùa nổi tiếng là bộ Tam thế phật và Quan Âm thiên thủ thiên nhãn có nhiều chi tiết mang ý nghĩa Phật triết rất cao. Ngoài ra còn có tháp cửu phẩm liên hoa mang niên đại năm 1656. Trên thân tháp có nhiều đề tài gắn với thế giới Tây phương, đồng thời điểm xuyết những bài học răn dạy đạo lý qua các hình chạm. Chùa còn có tháp bút bằng đá của sư tổ Chuyết Công, rồi tháp Minh Hành và những tượng khác rất đẹp mang nhiều ý nghĩa riêng.

*Qua Hải Dương và Quảng Ninh:*

*Chùa Côn Sơn, xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương:* Là một ngôi chùa lớn mang ý nghĩa thoát tục với những hàng cây thông. Chùa nằm trong động Thanh Hư (vùng đất thánh thiện mang tính bản thể, cốt lõi, thuộc tư tưởng nhà Phật). Về tượng trong chùa, đẹp nhất hiện nay là bộ Tam thế mang nghệ thuật giữa thế kỷ XVII, chịu ảnh hưởng từ nghệ thuật tạo tượng của Ấn Độ và Đông Nam Á rõ rệt.

*Đền thờ Nguyễn Trãi, xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương:* Là một kiến trúc rất khang trang, là sự hội tụ về đẹp nhiều mặt của kiến trúc truyền thống. Đền mới được dựng ở một vị trí đắc địa vào những năm 2004, tạo ra một kiến trúc lớn tầng tầng, lớp lớp theo quy chuẩn cổ truyền. Đây hiện là một điểm sáng của kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng bổ sung đặc lực cho khu danh thắng lịch sử này.

*Đền thờ Trần Hưng Đạo ở Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương:*

Đền chính mới được dựng lại gần như hoàn toàn sau chiến tranh chống Pháp trên nền cũ. Tuy nhiên, không gian phong quang đẹp đẽ đã phản ánh được tư tưởng cổ truyền phù hợp với tín ngưỡng và lòng sùng kính muôn đời, muôn thuở của người Việt. Hai bên đền có đền Nam Tào và đền Bắc Đẩu cho thấy người xưa đã coi Đức thánh Trần như hóa thân của Ngọc hoàng thượng đế. Đền này còn biểu hiện rất rõ về sự chuyển hóa của tín ngưỡng thờ một anh hùng dân tộc sang biểu tượng một vị thần linh chống lụt (kiếm hóa doi đất ở giữa dòng sông), rồi thần chữa bệnh được diễn ra trong hệ thanh đồng. Mặt khác, Ngài còn trở thành vị thần cầm cân nảy mực bảo vệ công bằng cho xã hội nhất là trong lĩnh vực thương mại. Hiện nay, khảo cổ học đã tìm thấy dấu vết gạch hoa, cống nước... thuộc dinh thự của Đức thánh Trần lúc sinh thời.

Để tìm hiểu sâu về các di tích và các làng gốm cổ truyền thống vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, chúng ta còn có thể đến tham quan các bảo tàng quốc gia và địa phương như: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Mỹ Thuật Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Bảo tàng Dương Xá (Bắc Ninh), Bảo tàng Bạch Đằng (Quảng Ninh).

Có thể nói, những trung tâm gốm cổ truyền của người Việt đồng thời là những trung tâm định cư và văn hóa từ xa xưa. Ngoài những hiện vật và di tích gốm, các làng nghề gốm truyền thống và những làng phụ cận xung quanh đã để lại nhiều công trình kiến trúc nghệ thuật nổi tiếng mà mỗi khi tiếp cận chúng ta đều như cảm nhận được lời nhắn nhủ của cha ông để thêm yêu thương và tự hào về vùng quê giàu đẹp ở châu thổ sông Hồng. Hệ thống di tích và danh thắng ở vùng quê này chắc chắn sẽ bổ sung cho con đường du lịch văn hóa "các làng gốm cổ truyền vùng châu thổ sông Hồng" thêm phong phú và hấp dẫn.